

Số: /2026/TT-BXD

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

THÔNG TƯ**Quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa**

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật Giao thông đường thủy nội địa số 48/2014/QH13;

Căn cứ Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa và việc tổ chức thực hiện đăng kiểm cho các phương tiện thủy nội địa.

2. Thông tư này không áp dụng đối với:

- Phương tiện thủy nội địa làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, tàu cá;
- Phương tiện thủy nội địa không có động cơ trọng tải toàn phần đến 15 tấn hoặc có sức chở đến 12 người;
- Phương tiện thủy nội địa có động cơ công suất máy chính dưới 5 sức ngựa và có sức chở dưới 5 người;
- Bè.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến công tác đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đơn vị đăng kiểm là các đơn vị sự nghiệp công lập, công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoạt động dịch vụ đăng kiểm phương tiện thủy nội địa thỏa mãn yêu cầu về năng lực theo quy định tại Thông tư này.

2. Sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa (sau đây gọi tắt là sản phẩm công nghiệp) gồm: vật liệu, máy và các trang thiết bị được sử dụng, lắp đặt trên phương tiện thủy nội địa.

3. Hồ sơ thiết kế là các bản vẽ và tài liệu kỹ thuật được lập theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia làm căn cứ kỹ thuật cho đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi, phân cấp, kiểm tra và khai thác phương tiện thủy nội địa hoặc chế tạo, kiểm tra sản phẩm công nghiệp.

4. Tài liệu hướng dẫn là tài liệu được thiết lập theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia để cung cấp thông tin cho thuyền trưởng, thuyền viên trong khai thác, vận hành phương tiện thủy nội địa và các máy, trang thiết bị của phương tiện thủy nội địa nhằm đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

5. Thẩm định hồ sơ thiết kế, tài liệu hướng dẫn là việc kiểm tra, soát xét hồ sơ thiết kế, tài liệu hướng dẫn để đưa ra kết luận về tính tuân thủ của hồ sơ thiết kế, tài liệu hướng dẫn với quy định của các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

6. Phương tiện đóng theo mẫu là các phương tiện thủy nội địa được đóng mới theo cùng một hồ sơ thiết kế được đơn vị đăng kiểm thẩm định.

7. Mô tô nước là phương tiện thủy nội địa được sử dụng cho mục đích thể thao, vui chơi giải trí với chiều dài thân phương tiện nhỏ hơn 4 m, sử dụng động cơ đẩy kiểu bơm phụt nước và được vận hành bởi người ngồi, đứng hoặc quỳ trên thân phương tiện mà không trong không gian kín của thân phương tiện.

8. Tổ chức đăng kiểm nước ngoài gồm thành viên của Hiệp hội các tổ chức phân cấp quốc tế (IACS) hoặc tổ chức chứng nhận được các quốc gia có tiêu chuẩn chất lượng tiên tiến thừa nhận (các quốc gia là thành viên của G7, EU, các quốc gia UK, Úc, Newzealand, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nga).

Chương II

ĐĂNG KIỂM PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Điều 4. Nội dung công tác đăng kiểm phương tiện thủy nội địa

1. Thẩm định hồ sơ thiết kế.
2. Thẩm định tài liệu hướng dẫn.
3. Kiểm tra và cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp.
4. Kiểm tra và cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa cho phương tiện trong đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi, nhập khẩu và trong quá trình hoạt động.

Điều 5. Các loại hình kiểm tra phương tiện thủy nội địa

1. Các loại hình kiểm tra phương tiện thủy nội địa bao gồm:

a) Kiểm tra lần đầu, bao gồm: kiểm tra phương tiện khi đóng mới, phương tiện đã đóng không có sự giám sát của đăng kiểm, phương tiện nhập khẩu.

b) Kiểm tra chu kỳ, bao gồm: kiểm tra định kỳ; kiểm tra hàng năm; kiểm tra trên đà; kiểm tra trung gian.

c) Kiểm tra bất thường.

d) Kiểm tra hoán cải.

2. Nội dung và thời hạn các loại hình kiểm tra được thực hiện theo quy định tại các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia áp dụng đối với phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp.

Điều 6. Nguyên tắc kiểm tra và cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp sử dụng

1. Sản phẩm công nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp sử dụng cho tàu biển theo quy định pháp luật về đăng kiểm tàu biển Việt Nam thì được sử dụng cho phương tiện thủy nội địa.

2. Sản phẩm công nghiệp khác với quy định tại khoản 1 Điều này thì thực hiện kiểm tra và cấp giấy chứng nhận theo quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia áp dụng đối với sản phẩm công nghiệp và Thông tư này.

Điều 7. Giá, phí, lệ phí đăng kiểm

Tổ chức, cá nhân đề nghị đơn vị đăng kiểm thực hiện thẩm định, kiểm tra, cấp các giấy chứng nhận cho phương tiện thủy nội địa, sản phẩm công nghiệp có trách nhiệm thanh toán các khoản phí, lệ phí, giá dịch vụ đăng kiểm theo quy định của pháp luật.

Chương III

THẨM ĐỊNH HỒ SƠ THIẾT KẾ, TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN; KIỂM TRA, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA; KIỂM TRA, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP

Điều 8. Hồ sơ đề nghị thẩm định thiết kế

1. Đối với hồ sơ thiết kế đóng mới, hoán cải, sửa đổi, thiết kế lập hồ sơ cho phương tiện đã đóng không có sự giám sát của đăng kiểm (trừ mô tô nước), hồ sơ thiết kế tàu biển Việt Nam chuyển đổi thành phương tiện thủy nội địa:

a) Giấy đề nghị thẩm định thiết kế theo mẫu số 01 quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Hồ sơ thiết kế theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia áp dụng đối với phương tiện thủy nội địa.

2. Đối với hồ sơ thiết kế cho phương tiện nhập khẩu, trừ mô tô nước nhập khẩu để sử dụng cho mục đích thể thao, vui chơi giải trí:

a) Giấy đề nghị thẩm định thiết kế theo mẫu số 01 quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Hồ sơ thiết kế theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia áp dụng đối với phương tiện thủy nội địa; bản sao tài liệu kỹ thuật của tổ chức nước ngoài cấp cho phương tiện (nếu có).

Trường hợp phương tiện nhập khẩu về Việt Nam và giữ nguyên công dụng hoặc có sức chở người từ 12 người trở xuống, đã được tổ chức đăng kiểm nước ngoài kiểm tra, chứng nhận an toàn kỹ thuật, hồ sơ thiết kế bao gồm:

(i) Bản sao hồ sơ chứng nhận an toàn kỹ thuật của tổ chức đăng kiểm nước ngoài cấp cho phương tiện, tài liệu hướng dẫn vận hành (nếu có).

(ii) Các bản vẽ bố trí chung, mạn khô, tín hiệu, cứu sinh, cứu hỏa; bản tính mạn khô; thuyết minh về hệ thống máy tàu, điện tàu, trang bị an toàn theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia áp dụng đối với phương tiện.

3. Đối với hồ sơ thiết kế sản phẩm công nghiệp:

a) Giấy đề nghị thẩm định hồ sơ thiết kế theo mẫu số 01 quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Hồ sơ thiết kế theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia áp dụng đối với sản phẩm công nghiệp.

Điều 9. Hồ sơ đề nghị thẩm định tài liệu hướng dẫn

a) Giấy đề nghị thẩm định tài liệu hướng dẫn theo mẫu số 02 quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Tài liệu hướng dẫn theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia áp dụng đối với phương tiện thủy nội địa.

Điều 10. Trình tự thẩm định thiết kế, tài liệu hướng dẫn

1. Tổ chức, cá nhân lập hồ sơ quy định tại Điều 8, Điều 9 Thông tư này và gửi bằng hình thức phù hợp đến đơn vị đăng kiểm hạng I (xem Điều 13).

2. Đơn vị đăng kiểm tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ; nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn người nộp hồ sơ hoàn thiện; nếu hồ sơ đầy đủ thì hẹn thời gian trả kết quả thẩm định.

3. Đơn vị đăng kiểm tiến hành thẩm định. Sau khi hoàn thành thẩm định, đơn vị đăng kiểm thông báo kết quả thẩm định thiết kế, tài liệu hướng dẫn và đóng dấu thẩm định vào hồ sơ thiết kế, tài liệu hướng dẫn.

Bản điện tử của thông báo kết quả thẩm định, hồ sơ thiết kế và tài liệu hướng dẫn đã được thẩm định có giá trị pháp lý như bản giấy.

4. Phương tiện thủy nội địa thuộc đối tượng quy định tại Phụ lục III kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, đơn vị đăng kiểm thực hiện thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy theo đúng phạm vi thẩm quyền của cơ quan đăng kiểm theo quy định.

5. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả thẩm định trực tiếp tại đơn vị đăng kiểm hoặc hình thức phù hợp khác.

Điều 11. Kiểm tra, cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa

1. Hồ sơ đề nghị kiểm tra bao gồm:

a) Đối với kiểm tra, cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi, phương tiện đã đóng không có sự giám sát của đăng kiểm, tàu biển Việt Nam chuyển đổi thành phương tiện thủy nội địa:

(i) Giấy đề nghị kiểm tra theo mẫu số 03 quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

(ii) Bản sao giấy xóa đăng ký đối với tàu biển, tàu cá chuyển đổi thành phương tiện thủy nội địa.

b) Đối với kiểm tra và cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện nhập khẩu, phương tiện đang khai thác:

(i) Giấy đề nghị kiểm tra theo mẫu số 03 quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

(ii) Bản sao tài liệu hướng dẫn vận hành và bản sao các tài liệu kỹ thuật khác (nếu có) đối với mô tô nước nhập khẩu để sử dụng cho mục đích thể thao, vui chơi giải trí.

2. Khi có nhu cầu, tổ chức, cá nhân lập hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này và gửi bằng hình thức phù hợp đến đơn vị đăng kiểm.

3. Đơn vị đăng kiểm tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn người nộp hồ sơ hoàn thiện; nếu hồ sơ đầy đủ thì thống nhất thời gian và địa điểm kiểm tra.

4. Sau khi tiến hành kiểm tra phương tiện, nếu kết quả thỏa mãn quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, đơn vị đăng kiểm cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa theo mẫu số 05 quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này; nếu không đạt thì thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân. Giấy chứng nhận điện tử có giá trị pháp lý như giấy chứng nhận bản giấy.

5. Phương tiện thủy nội địa thuộc đối tượng quy định tại Phụ lục III kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, đơn vị đăng kiểm thực hiện việc kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy, kiểm tra về phòng cháy và chữa cháy trong khai thác sử dụng theo đúng phạm vi thẩm quyền của cơ quan đăng kiểm theo quy định.

6. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại đơn vị đăng kiểm hoặc hình thức phù hợp khác.

Điều 12. Kiểm tra, cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp

1. Hồ sơ đề nghị kiểm tra bao gồm:

a) Giấy đề nghị theo mẫu số 04 quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Bản sao hồ sơ kỹ thuật bao gồm thông số kỹ thuật, các báo cáo kiểm tra thử sản phẩm công nghiệp (nếu có).

2. Tổ chức, cá nhân lập hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này và gửi bằng hình thức phù hợp đến đơn vị đăng kiểm.

3. Đơn vị đăng kiểm tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ; trường hợp hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn người nộp hồ sơ hoàn thiện; nếu hồ sơ đầy đủ thì thống nhất với người nộp hồ sơ về thời gian và địa điểm kiểm tra.

4. Sau khi tiến hành kiểm tra, nếu kết quả thỏa mãn quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, đơn vị đăng kiểm cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp theo mẫu số 06 hoặc 07 quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này; nếu không đạt thì thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân. Giấy chứng nhận điện tử có giá trị pháp lý như giấy chứng nhận bản giấy.

5. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại đơn vị đăng kiểm hoặc hình thức phù hợp khác.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÔNG TÁC ĐĂNG KIỂM PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 13. Năng lực đăng kiểm phương tiện thủy nội địa

1. Đơn vị đăng kiểm phân hạng thực hiện đăng kiểm theo năng lực của đơn vị và được Cục Đăng kiểm Việt Nam quy định tại thông báo năng lực đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

2. Phân hạng đơn vị đăng kiểm:

a) Đơn vị đăng kiểm hạng I: thực hiện thẩm định thiết kế và kiểm tra các phương tiện.

b) Đơn vị đăng kiểm hạng II: thực hiện kiểm tra phương tiện.

c) Tiêu chí xác định hạng đơn vị căn cứ vào Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Thông báo năng lực đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa bị thu hồi khi đơn vị đăng kiểm không đáp ứng được yêu cầu năng lực đơn vị đăng kiểm theo quy định.

Điều 14. Số kiểm soát

1. Số kiểm soát được ấn định sau khi phương tiện hoàn thành toàn bộ các hạng mục thẩm định thiết kế, tài liệu hướng dẫn và kiểm tra theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia áp dụng đối với phương tiện thủy nội địa để phục vụ

công tác quản lý nhà nước về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa.

2. Cấu trúc số kiểm soát gồm 2 (hai) chữ cái in hoa là VR đi liền với 8 (tám) chữ số bao gồm: 2 (hai) chữ số đầu là 2 (hai) chữ số cuối của năm đóng phương tiện, 6 (sáu) chữ số tiếp theo là số tự nhiên do Cục Đăng kiểm Việt Nam ấn định.

3. Quy cách số kiểm soát theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 15. Hệ thống tra cứu thông tin phương tiện trực tuyến

1. Cục Đăng kiểm Việt Nam xây dựng, vận hành và duy trì hệ thống tra cứu thông tin phương tiện trực tuyến trên Cổng thông tin điện tử Cục Đăng kiểm Việt Nam cho phép các cơ quan, tổ chức, cá nhân tra cứu tức thời tình trạng đăng kiểm, hiệu lực giấy chứng nhận theo số đăng ký, số đăng kiểm, số kiểm soát.

2. Cục Đăng kiểm Việt Nam cập nhật thông tin lên Cổng tra cứu trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc sau khi đơn vị đăng kiểm cấp giấy chứng nhận.

Điều 16. Trách nhiệm của Cục Đăng kiểm Việt Nam và các Chi cục Đăng kiểm

1. Tổ chức, quản lý thống nhất việc thực hiện công tác đăng kiểm phương tiện thủy nội địa theo quy định của Thông tư này.

2. Quy định biểu mẫu biên bản, báo cáo kiểm tra phương tiện thủy nội địa, sản phẩm công nghiệp và chỉ đạo nghiệp vụ về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

3. Xây dựng, quản lý, hướng dẫn sử dụng thống nhất Cơ sở dữ liệu quản lý đăng kiểm phương tiện thủy nội địa; nối mạng truyền số liệu và quản lý dữ liệu phương tiện thủy nội địa của các đơn vị đăng kiểm.

4. Thực hiện việc xác nhận, thông báo, thu hồi thông báo năng lực đăng kiểm phương tiện thủy nội địa; công bố năng lực đăng kiểm phương tiện thủy nội địa và hạng các đơn vị đăng kiểm trên Cổng thông tin điện tử Cục Đăng kiểm Việt Nam.

5. Thực hiện việc ấn định số kiểm soát cho phương tiện thủy nội địa.

6. Định kỳ, đột xuất kiểm tra hoạt động cung cấp dịch vụ đăng kiểm phương tiện thủy nội địa của các đơn vị đăng kiểm; xử lý hoặc đề nghị xử lý sai phạm của cá nhân và đơn vị đăng kiểm theo quy định.

7. Xem xét, chấp thuận áp dụng tương đương, miễn giảm các yêu cầu kỹ thuật, gia hạn kiểm tra đối với phương tiện thủy nội địa theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

8. Báo cáo kết quả thực hiện công tác đăng kiểm theo quy định.

Điều 17. Trách nhiệm của Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố

1. Tổ chức, quản lý hoạt động cung cấp dịch vụ đăng kiểm phương tiện thủy nội địa trên địa bàn quản lý của địa phương.

2. Phối hợp với Cục Đăng kiểm Việt Nam kiểm tra hoạt động của các đơn vị đăng kiểm trên địa bàn quản lý của địa phương.

3. Chỉ đạo các đơn vị chức năng của Sở Xây dựng phối hợp với chính quyền địa phương tuyên truyền, vận động, kiểm tra, xử lý những trường hợp không tuân thủ các quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

4. Tổ chức lập hồ sơ thiết kế phương tiện đóng theo mẫu đối với nhu cầu đóng mới phương tiện thủy nội địa dân sinh trên địa bàn của địa phương và quản lý, sao thiết kế cho người dân địa phương để thực hiện đóng mới và đăng kiểm phương tiện thủy nội địa theo quy định tại Thông tư này

Điều 18. Trách nhiệm của đơn vị đăng kiểm

1. Thực hiện dịch vụ đăng kiểm phù hợp với năng lực được Cục Đăng kiểm Việt Nam thông báo.

2. Duy trì năng lực đã được thông báo; thông báo ngay cho Cục Đăng kiểm Việt Nam và Sở Xây dựng liên quan khi không đáp ứng được yêu cầu năng lực đơn vị đăng kiểm theo quy định.

3. Công khai quy trình cung cấp dịch vụ đăng kiểm, giá dịch vụ đăng kiểm và thời gian làm việc.

4. Phân công đăng kiểm viên thực hiện thẩm định, kiểm tra theo đúng trình độ và phạm vi ghi trong giấy chứng nhận đăng kiểm viên. Không phân công một đăng kiểm viên thực hiện đồng thời cả thẩm định hồ sơ thiết kế và kiểm tra hiện trường đối với cùng một phương tiện hoặc cùng một sản phẩm công nghiệp.

5. Thực hiện nhiệm vụ thẩm định, kiểm tra, cấp giấy chứng nhận một cách khách quan, phù hợp với yêu cầu nghiệp vụ và đúng pháp luật.

6. Người đứng đầu đơn vị, cấp phó của người đứng đầu đơn vị được giao phụ trách công tác đăng kiểm phương tiện thủy nội địa và đăng kiểm viên trực tiếp thực hiện dịch vụ đăng kiểm phải chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định, kiểm tra, cấp giấy chứng nhận.

7. Tuân thủ sự chỉ đạo về chuyên môn nghiệp vụ đăng kiểm phương tiện thủy nội địa của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

8. Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động dịch vụ đăng kiểm của cơ quan chức năng.

9. Quản lý, giám sát hoạt động đăng kiểm, thường xuyên giáo dục đạo đức nghề nghiệp đối với đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ; phòng, chống tiêu cực trong hoạt động đăng kiểm của đơn vị.

10. Chủ động phối hợp với cơ quan chức năng trong ứng phó các trường hợp phương tiện thủy nội địa do đơn vị kiểm tra, cấp giấy chứng nhận bị tai nạn và báo cáo, cập nhật thông tin hàng ngày về Cục Đăng kiểm Việt Nam, Chi cục Đăng kiểm và Sở Xây dựng có liên quan.

11. Khi nhận được yêu cầu kiểm tra bất thường bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đơn vị đăng kiểm phải tổ chức thực hiện kiểm tra và trả

lời bằng văn bản về kết quả kiểm tra theo nội dung, thời gian và địa điểm yêu cầu kiểm tra.

12. Nộp lệ phí theo quy định.

Điều 19. Trách nhiệm của chủ phương tiện, cơ sở thiết kế, đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện, cơ sở chế tạo sản phẩm công nghiệp, cơ sở thử nghiệm phục vụ công tác đăng kiểm

1. Thực hiện các quy định về đăng kiểm phương tiện, sản phẩm công nghiệp tại Thông tư này và các quy định liên quan khác của pháp luật.

2. Nộp giá dịch vụ đăng kiểm, lệ phí theo quy định.

3. Chịu trách nhiệm về tính hợp lệ, hợp pháp của các hồ sơ, tài liệu cung cấp cho Cục Đăng kiểm Việt Nam và các đơn vị đăng kiểm.

Điều 20. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đơn vị đăng kiểm đang hoạt động tiếp tục thực hiện dịch vụ đăng kiểm theo thông báo năng lực và hạng hiện có.

Việc xác nhận, thông báo năng lực và hạng đơn vị đăng kiểm theo quy định tại Thông tư này phải được thực hiện trong thời hạn tối đa 01 (một) năm kể từ ngày Thông tư có hiệu lực.

2. Tem kiểm định đã cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực vẫn có giá trị pháp lý cho đến khi hết hạn ghi trên Tem hoặc khi phương tiện thực hiện kiểm tra chu kỳ.

3. Phương tiện có số kiểm soát với chữ VS thực hiện thay bằng chữ VR và giữ nguyên 8 (tám) chữ số đã ấn định tại đợt kiểm tra chu kỳ gần nhất kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

Điều 21. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày xx tháng xx năm 2026.

2. Các Thông tư sau hết hiệu lực kể từ ngày thông tư này có hiệu lực:

a) Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT ngày 22 tháng 09 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

b) Thông tư số 16/2023/TT-BGTVT ngày 30 tháng 06 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa

3. Bãi bỏ:

a) Điều 4 Thông tư số 26/2020/TT-BGTVT ngày 16 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực đăng kiểm.

b) Điều 9 Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 06 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm.

c) Khoản 3, khoản 4 Điều 4 Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT ngày 29 tháng 07 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quy định về các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa.

d) Thông tư số 26/2024/TT-BGTVT ngày 02 tháng 07 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa.

đ) Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15 Thông tư số 59/2025/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực hàng hải, đường thủy và đăng kiểm./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT Bộ Xây dựng;
- Báo XD, Tạp chí XD;
- Lưu: VT, KHCNMT&VLXD(5).

BỘ TRƯỞNG

Trần Hồng Minh

Phụ lục I
BIỂU MẪU SỬ DỤNG TRONG CÔNG TÁC ĐĂNG KIỂM
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

*(Ban hành kèm theo Thông tư số/2026/TT-BXD ngày tháng năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ
THẨM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

Kính gửi:

Đơn vị đề nghị thẩm định:.....

Địa chỉ:

Số điện thoại: E-mail:

Mã số thuế:

Đề nghị Quý đơn vị đăng kiểm thẩm định hồ sơ thiết kế:

Tên /Ký hiệu thiết kế:

Loại thiết kế (*):

Tên /Ký hiệu thiết kế ban đầu (**):

Số ĐKHC/Số đăng kiểm (**):

Số kiểm soát (**):

Nội dung thiết kế:

.....

.....

.....

Số lượng thi công dự kiến: (chiếc)

Nội dung khác (nếu có):

Chúng tôi chịu trách nhiệm về tính hợp lệ, hợp pháp về hồ sơ thiết kế và các hồ sơ, tài liệu gửi kèm theo./.

Người có thẩm quyền của đơn vị đề nghị thẩm định
(Ký tên và đóng dấu)

() Điền loại thiết kế, ví dụ: “Đóng mới”, “hoán cải”, “sửa đổi”, “tài liệu hướng dẫn”, “sản phẩm công nghiệp”, “lập hồ sơ”, .v.v.*

*(**) Áp dụng cho thiết kế hoán cải, sửa đổi.*

**ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ
THẨM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN

Kính gửi:

Đơn vị đề nghị thẩm định:.....

Địa chỉ:

Số điện thoại: E-mail:

Mã số thuế:

Đề nghị Quý đơn vị đăng kiểm thẩm định:

Tên tài liệu hướng dẫn:

Tên/Ký hiệu thiết kế phương tiện.....

Số ĐKHC/Số đăng kiểm (*):

Số kiểm soát (*):

Chúng tôi chịu trách nhiệm về tính hợp lệ, hợp pháp về tài liệu hướng dẫn và các hồ sơ, tài liệu gửi kèm theo./.

Người có thẩm quyền của đơn vị đề nghị thẩm định
(Ký tên và đóng dấu)

(*) Áp dụng cho phương tiện đang khai thác

Mẫu số 03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Kính gửi:

Tổ chức/cá nhân đề nghị:

Địa chỉ:

Số điện thoại: E-mail:

Mã số thuế:

Đề nghị Quý đơn vị đăng kiểm kiểm tra, cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện thủy nội địa cho:

Tên phương tiện:

Số ĐKHC/Số đăng kiểm (*):/.....

Số kiểm soát (*):

Loại hình kiểm tra, nội dung kiểm tra:

.....

Thời gian dự kiến kiểm tra:

Địa điểm kiểm tra:

Nội dung khác (nếu có):

Chúng tôi đồng ý trả đầy đủ giá dịch vụ đăng kiểm và lệ phí cấp giấy chứng nhận theo quy định hiện hành./.

Tổ chức/cá nhân đề nghị
(Ký tên và đóng dấu nếu có)

() Áp dụng cho phương tiện đang khai thác*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: , ngày tháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP

Kính gửi:

Tên cơ sở chế tạo:

Địa chỉ:

Số điện thoại: E-mail:

Mã số thuế:

Đề nghị Quý đơn vị đăng kiểm kiểm tra, giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp cho:

Tên sản phẩm công nghiệp:.....

Số thẩm định thiết kế:

Nội dung kiểm tra:

.....

Thời gian dự kiến kiểm tra:

Địa điểm kiểm tra:

Nội dung khác (nếu có):

Chúng tôi đồng ý trả đầy đủ giá dịch vụ đăng kiểm và lệ phí cấp giấy chứng nhận theo quy định hiện hành./.

Người có thẩm quyền của cơ sở chế tạo
(Ký tên và đóng dấu)

Trang bị chạy tàu	
Ống nhòm	<input type="checkbox"/> ; Đồng hồ..... <input type="checkbox"/>
Thiết bị đo sâu đơn giản	<input type="checkbox"/> ; Chuông lệnh..... <input type="checkbox"/>
Thiết bị đo nghiêng.....	<input type="checkbox"/> ; Thước đo mức nước
GPS hoặc thiết bị tương tự.	<input type="checkbox"/> ; La bàn từ hoặc la bàn chuẩn ...
Thiết bị truyền thanh chỉ huy <input type="checkbox"/> ;	Ra đa <input type="checkbox"/>
Thiết bị VTĐ : MF/HF (chiếc).....; VHF (chiếc) :.....;	
S.EPIRB	<input type="checkbox"/> ; AIS: cấp A <input type="checkbox"/> cấp B <input type="checkbox"/>
SART/AIS-SART.....	<input type="checkbox"/>
Trang bị ngăn ngừa ô nhiễm	
Thiết bị phân ly dầu nước: số lượng (chiếc).....; Tổng sản lượng:.....	
Két thu hồi hỗn hợp dầu nước: Số lượng (chiếc).....; Tổng thể tích (m ³).....	
Két nước thải: Số lượng(chiếc).....; Tổng thể tích (m ³).....	
Két lắng: Số lượng (chiếc).....; Tổng thể tích (m ³).....	
Két dầu bẩn: Số lượng (chiếc).....; Tổng thể tích (m ³).....	
Bích nổi tiêu chuẩn: Số lượng (chiếc); Vị trí	
Thiết bị chứa rác: Số lượng (chiếc).....	
Thiết bị xử lý nước thải: Số lượng (chiếc).....; Sản lượng (m ³ /h).....	
Thời hạn kiểm tra	
Định kỳ:	Trên đà:
Hàng năm:	Trung gian:
<p>01 ảnh tổng thể phương tiện (một bên mạn phải hoặc mạn trái) ảnh kỹ thuật số có độ phân dải là 1280x720 pixel</p>	

ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
Số:	
<p>GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA</p>	
<p>Tên phương tiện:.....Số ĐKKHC:</p> <p>Công dụng:Số đăng kiểm:.....</p> <p>Năm và nơi đóng:.....</p> <p>Kích thước cơ bản: L x B x D x d m;</p> <p>L_{max} x B_{max}:m; Mạn khô (F):.....mm;</p> <p>Vật liệu:.....; Tổng dung tích (GT):</p> <p>Số lượng máy chính/phụ:.....; Tổng công suất:/.....sức ngựa;</p> <p>Căn cứ báo cáo kiểm tra số ngày ... tháng ... năm</p> <p>.....</p> <p>chứng nhận phương tiện có đặc tính kỹ thuật và ngăn ngừa ô nhiễm ghi trong giấy chứng nhận này có trạng thái kỹ thuật thỏa mãn các quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và được trao cấp:</p> <p>.....</p> <p>Vùng hoạt động:</p> <p>Khả năng khai thác:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>Cấp tại, ngày tháng năm</p> <p style="text-align: center;">LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM (Ký tên đóng dấu)</p> <p>Số kiểm soát:</p>	

Thiết kế phương tiện

Ký hiệu thiết kế:	Năm thiết kế:
Số GCN:	Số thẩm định:
Năm và nơi hoàn cải:	

Thiết bị neo

Neo mũi, kiểu.....; SL(chiếc):..... ; Tổng khối lượng neo.....kg
 Neo đuôi, kiểu.....; SL(chiếc):..... ; Tổng khối lượng neo.....kg
 Chiều dài/ đường kính xích, cáp: Mũi.....; Đuôi:.....
 Kiểu tời neo: Mũi.....; Đuôi:.....

Thiết bị lái

Bánh lái: Kiểu.....; số lượng (chiếc):; Tổng diện tích (m²):
 Máy lái chính: Kiểu; Mô men lái (tm):
 Máy lái dự phòng: Kiểu; Mô men lái (tm):

Thiết bị chằng buộc

Dây buộc : số lượng (chiếc)..... Tổng chiều dài (m).....
 Cột buộc dây: Kiểu.....Số lượng(chiếc).....

Thiết bị kéo

Cột kéo: Kiểu.....; Đường kính (mm):
 Móc kéo: Kiểu.....; Lực kéo định mức (kN):.....
 Tời thu dây: Kiểu.....; Lực kéo định mức (kN):.....
 Dây kéo loại:.....; Chiều dài (m).....

Máy chính

Máy chính số	Mác	Năm chế tạo	Số chế tạo	Công suất (sức ngựa/kW)

Máy phụ

Số lượng, mác, công suất (sức ngựa):.....

Thiết bị điện

Số lượng máy phát (chiếc):
 Công suất (kVA/ kW):.....; Điện áp (V):.....
 Số bình ắc quy:; Điện áp (V).....; Tổng dung lượng (Ah):.....

Hệ thống không khí nén

Bình khí nén: Số lượng (chiếc):.....
 Máy nén khí: Số lượng (chiếc):.....

Thiết bị nâng

Số chế tạo hoặc số quản lý:.....
 Tầm với lớn nhất (m) /sức nâng (tấn):
 Tầm với nhỏ nhất (m) /sức nâng (tấn):

Trang bị chữa cháy

Số lượng bơm chữa cháy (chiếc):.....; Tổng lưu lượng (m³/h).....
 Loại khí.....; Tổng khối lượng (kg).....
 Loại bọt.....; Tổng thể tích (lít).....
 Bình bọt đẩy: Số lượng x dung tích (lít).....
 Thiết bị tạo bọt xách tay: Số lượng:
 Bình CO₂: Số bình x khối lượng (kg)
 Bình bột: Số bình x khối lượng (kg)
 Bình bọt: Số bình x dung tích (lít)
 Bộ dụng cụ chữa cháy thủ công: ☐; Sơ đồ bố trí thiết bị chữa cháy: ☐

Trang bị cứu sinh

Phao tròn: Không dây (chiếc).....; Có dây (chiếc):.....
 Phao áo (chiếc):.....; Phao áo trẻ em (chiếc):.....
 DC nổi/ phao bè/Xuồng (chiếc):; Tổng sức chở (người):.....

Trang bị cứu đắm

Số lượng bơm hút khô (chiếc):.....; Tổng lưu lượng (m³).....
 Bộ dụng cụ cứu đắm: ☐
 Thiết bị tự động báo mức nước đầy khoang: ☐

Trang bị tín hiệu

Đèn hiệu:
 Đèn mạn đỏ: ☐; Đèn mạn xanh ☐; Đèn trắng lái☐;
 Đèn cột trắng:☐; Đèn cột xanh: ☐; Đèn cột đỏ ☐; Đèn neo ☐;
 Đèn lai đỏ: ☐; Đèn lai xanh: ☐; Đèn vàng: ☐;
 Đèn trắng nháy☐; Đèn vàng nháy ☐; Đèn đỏ nháy ☐;
 Đèn cho các tình huống khác ☐; Đèn nửa xanh nửa đỏ☐; Đèn dự trữ ☐
 Âm hiệu:.....
 Vật hiệu: Tam giác đen ☐; Tam giác trắng ☐; Vuông đen ☐
 Chữ nhật đen ☐; Tròn đen ☐; Tròn trắng ☐
 Hình thoi góc vuông đen ☐;
 Bộ cờ hiệu ☐; Pháo hiệu dù ☐; Súng phóng dây ☐

ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂU SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP
SỬ DỤNG CHO PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

CHỨNG NHẬN sản phẩm dưới đây được sản xuất bởi cơ sở chế tạo nêu trong Giấy chứng nhận này phù hợp với:.....

Sản phẩm được công nhận:

Kiểu:

Cơ sở chế tạo:

Phạm vi áp dụng:

Tiêu chuẩn kiểm tra:.....

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày:

với điều kiện phải được xác nhận chu kỳ phù hợp với quy định:

Ngày ấn định đánh giá chu kỳ:.....

Cấp tại:..... Ngày:.....

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM
(Ký tên, đóng dấu)

Bản vẽ và tính toán thiết kế được thẩm định:

.....
.....

Thử được thực hiện:

.....
.....

Đặc tính của sản phẩm:

.....
.....

Đánh dấu trên sản phẩm:

.....
.....

Các điều kiện khác:

.....
.....

XÁC NHẬN CHU KỲ

Căn cứ vào kết quả đánh giá chu kỳ, xác nhận kiểu sản phẩm của cơ sở chế tạo được duy trì phù hợp với Quy chuẩn.

Ngày:.....

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM
(Ký tên, đóng dấu)

Giấy chứng nhận này mất hiệu lực khi:

- Chất lượng của (các) sản phẩm do cơ sở chế tạo không theo đúng quy định.
- Đăng kiểm viên nhận thấy có những thiếu sót trong hệ thống hoạt động của cơ sở.
- Cơ sở không thông báo những thay đổi lớn trong hệ thống hoạt động của cơ sở tới đơn vị đăng kiểm cấp giấy chứng nhận này.
- Cơ sở không thực hiện các đợt đánh giá theo quy định.

ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

**GIẤY CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP
SỬ DỤNG CHO PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA****CHỨNG NHẬN** (các) sản phẩm sau đây đã được kiểm tra và phù hợp với:

Số lượng và tên sản phẩm:

Cơ sở chế tạo:

Sử dụng cho:

Số giấy chứng nhận kiểu sản phẩm:.....; Số thẩm định thiết kế:

Số xuất xưởng:

Hạn chế áp dụng:

Tiêu chuẩn kiểm tra:

Được đóng dấu ấn chỉ và số kiểm tra như sau.

Cấp tại:..... Ngày:.....

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM

(Ký tên, đóng dấu)

SCP**Các đặc tính:**.....
.....
.....
.....**Lưu ý:**.....
.....
.....
.....

**BỘ XÂY DỰNG
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TB-ĐKVN

Hà Nội, ngày tháng năm

THÔNG BÁO NĂNG LỰC ĐĂNG KIỂM PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Căn cứ Thông tư số / /TT-BXD ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-BXD ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Trên cơ sở Báo cáo thống kê năng lực đăng kiểm phương tiện thủy nội địa của (Tên đơn vị đăng kiểm) tại Công văn số ngày tháng năm ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phương tiện thủy nội địa.

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM THÔNG BÁO

Tên đơn vị:

Địa chỉ:

Hạng đơn vị đăng kiểm:

(Tên đơn vị đăng kiểm) được cung cấp dịch vụ đăng kiểm phương tiện thủy nội địa nêu tại Phụ lục kèm theo.

Thông báo này tự động mất hiệu lực khi (Tên đơn vị đăng kiểm) không đáp ứng đầy đủ yêu cầu về năng lực đối với đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa hạng I theo quy định tại Phụ lục II Thông tư số xx/2026/TT-BXD.

(Tên đơn vị đăng kiểm) chịu trách nhiệm thông báo ngay tới Cục Đăng kiểm Việt Nam tình trạng mất hiệu lực nêu trên.

Thông báo này thay thế cho Thông báo số .../TB-ĐKVN ngày ... tháng ... năm/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Cục HH&ĐTVN;
- Phòng CNTT (để đăng trang web);
- Sở XD các tỉnh, thành phố;
- Lưu: VT, PTTND.

CỤC TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục**NĂNG LỰC ĐĂNG KIỂM PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

(Kèm theo Thông báo số /TB-ĐKVN ngày tháng năm của Cục ĐKVN)

(Tên đơn vị đăng kiểm) đáp ứng yêu cầu năng lực cung cấp dịch vụ đăng kiểm phương tiện thủy nội địa sau:

1. Kiểm tra, cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện thủy nội địa

Phạm vi thực hiện:

2. Kiểm tra, cấp giấy chứng nhận cho sản phẩm công nghiệp

Phạm vi thực hiện:

3. Thẩm định hồ sơ thiết kế, tài liệu hướng dẫn

Phạm vi thực hiện:

Phụ lục II
YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC CỦA ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT-BXD ngày tháng năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

1. Yêu cầu chung

1.1. Cơ sở vật chất

1.1.1. Trụ sở làm việc

Đơn vị đăng kiểm phải có trụ sở hoặc văn phòng làm việc, đủ diện tích để đảm bảo điều kiện làm việc bình thường và lưu trữ hồ sơ.

1.1.2. Trang thiết bị tại văn phòng

Ngoài các trang thiết bị văn phòng thông thường, đơn vị đăng kiểm phải có các trang thiết bị sau:

- a) Điện thoại cố định.
- b) Máy photocopy.
- c) Các bảng, biểu niêm yết công khai về thủ tục, giá, phí, lệ phí kiểm định, thời gian làm việc, nội quy của đơn vị.
- d) Có tối thiểu 05 máy tính nối mạng: để nhập và cấp hồ sơ đăng kiểm cho phương tiện, lưu trữ, truyền số liệu, thực hiện chương trình quản lý và giám sát kỹ thuật phương tiện thủy nội địa như sau: Chíp I3 đời 7 hoặc tương đương trở lên; RAM \geq 8 GB; ổ cứng SSD \geq 250 GB.

1.1.3 Cơ sở vật chất

- a) Tối thiểu 01 thiết bị đo nhiệt độ từ xa.
- b) Tối thiểu 01 thiết bị xách tay đo hàm lượng khí độc.
- c) Tối thiểu 01 bộ thuốc nhuộm phát hiện khuyết tật bề mặt bằng phương pháp thẩm thấu chất lỏng.
- d) Tối thiểu 01 thiết bị định vị vệ tinh GPS, có tính năng đo tốc độ tàu.
- đ) Tối thiểu 01 thiết bị đo nồng độ ô xy.
- e) Tối thiểu 01 đồng hồ đo vòng tua (từ xa, hiện số).
- g) Tối thiểu 01 đồng hồ đo độ co bóp trực cơ.
- h) Tối thiểu 01 thiết bị kiểm tra độ bóng bề mặt kim loại.
- i) Tối thiểu 01 máy vi tính xách tay.
- k) Thiết bị đọc phim đường hàn.
- l) Thiết bị, công cụ kiểm định:

TT	Tên thiết bị	Số lượng tối thiểu
1	Búa tay kiểm tra bằng thép	01 chiếc/01 đăng kiểm viên kiểm tra

TT	Tên thiết bị	Số lượng tối thiểu
		phần vỏ tàu
2	Thước cuộn bằng thép có chiều dài 2-5 m	01 chiếc/01 đăng kiểm viên kiểm tra phần vỏ tàu
3	Thước cuộn mềm có chiều dài > 10 m	01 chiếc/01 đăng kiểm viên kiểm tra phần vỏ tàu
4	Dây dọi + quả dọi	01 chiếc/01 đăng kiểm viên kiểm tra phần vỏ tàu
5	Thước kiểm tra mối hàn	01 chiếc/01 đăng kiểm viên kiểm tra phần vỏ tàu
6	Gương kiểm tra đường hàn	01 chiếc/01 đăng kiểm viên kiểm tra phần vỏ tàu
7	Thước cặp	01 chiếc/01 đăng kiểm viên kiểm tra phần máy tàu
8	Thước lá (dờ dờ căn)	01 chiếc/01 đăng kiểm viên kiểm tra phần máy tàu
9	Bút thử điện	01 chiếc/01 đăng kiểm viên kiểm tra phần máy tàu
10	Đồng hồ vạn năng	01 chiếc/01 đăng kiểm viên kiểm tra phần máy tàu
11	Kìm điện	01 chiếc/01 đăng kiểm viên kiểm tra phần máy tàu
12	Đèn pin 6 V	01 chiếc/01 đăng kiểm viên
13	Đồng hồ bấm giây	02 chiếc/01 đơn vị đăng kiểm
14	Thước thẳng có chiều dài > 500 mm	02 chiếc/01 đơn vị đăng kiểm
15	Panme (có dải đo từ 0 - 150 mm)	02 chiếc/01 đơn vị đăng kiểm
16	Com pa đo ngoài, trong	02 chiếc/01 đơn vị đăng kiểm
17	Bộ đồng hồ so (Indicate)	02 chiếc/01 đơn vị đăng kiểm

1.2. Nguồn nhân lực

a) Lãnh đạo đơn vị.

b) Tối thiểu 01 đăng kiểm viên kiểm tra phần vỏ và 01 đăng kiểm viên kiểm tra phần máy.

c) Tối thiểu 01 nhân viên nghiệp vụ.

1.3. Yêu cầu về văn bản quy phạm pháp luật

Đơn vị đăng kiểm phải có đủ các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật liên quan làm cơ sở cho việc quản lý, kiểm tra, đánh giá trạng thái an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa và các sản phẩm công nghiệp.

1.4. Về hệ thống quản lý chất lượng

Có hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 hoặc tương đương.

2. Yêu cầu bổ sung đối với đơn vị đăng kiểm hạng I

2.1. Nhân lực bổ sung: Có tối thiểu 01 đăng kiểm viên thẩm định thiết kế phần vỏ và 01 đăng kiểm viên thẩm định thiết kế phần máy.

2.2. Về cơ sở vật chất:

Mỗi đăng kiểm viên thẩm định thiết kế có tối thiểu 01 máy tính có cấu hình tối thiểu như sau: Chíp I5 đời 8 hoặc tương đương trở lên; RAM \geq 16 GB; ổ cứng SSD \geq 250 GB.

2.3. Phần mềm hỗ trợ tính toán trong thẩm định thiết kế (nếu có).

Phụ lục III

KÍCH THƯỚC, VỊ TRÍ SỐ KIỂM SOÁT

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT-BXD ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

1. Đối với phương tiện thủy nội địa vỏ thép, hợp kim nhôm

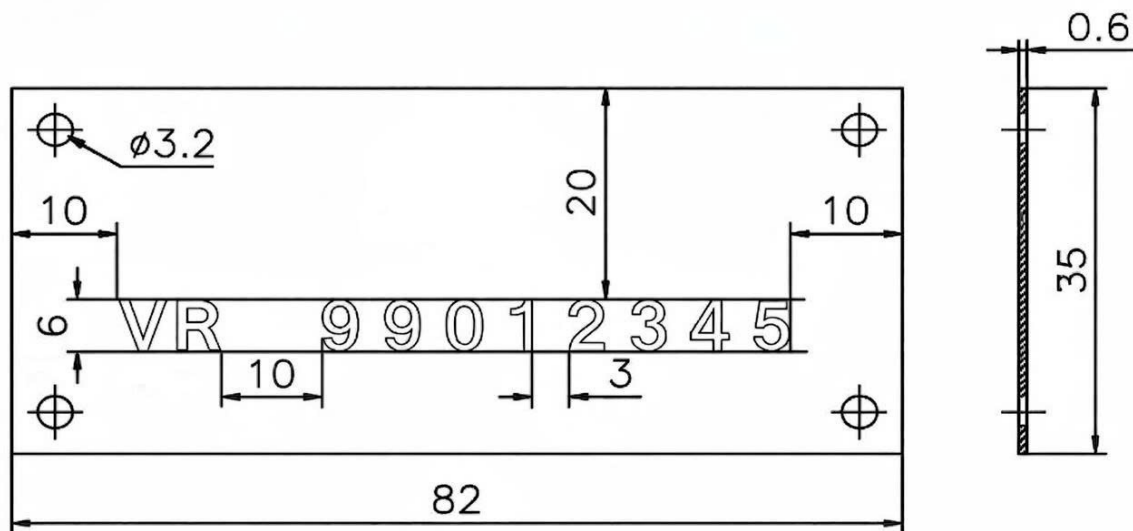
a) Cách gắn: Số kiểm soát được làm sẵn bằng thép dẹt (đối với phương tiện thủy nội địa vỏ thép), nhôm dẹt (đối với phương tiện thủy nội địa vỏ hợp kim nhôm) và hàn cố định (hàn liên tục) phía dưới vị trí kẻ số đăng ký hành chính.

b) Kích thước (chiều cao x chiều rộng) của chữ và số kiểm soát là (100 x 60) mm, chiều rộng nét chữ và số là 15 mm; chữ và số kiểm soát được sơn cùng màu với số đăng ký hành chính.

2. Đối với phương tiện thủy nội địa vỏ gỗ, chất dẻo cốt sợi thủy tinh:

a) Số kiểm soát được đóng vào tấm làm bằng vật liệu nhôm (xem Hình 1) và gắn bằng đinh tán lên tàu tại vị trí sau: Nếu phương tiện thủy nội địa có vô lăng lái thì gắn trên vô lăng lái; Nếu phương tiện thủy nội địa không có vô lăng lái thì gắn trên đài lái trước cần điều khiển lái. Số kiểm soát của phương tiện thủy nội địa có chiều cao là 6 mm.

b) Các phương tiện thủy nội địa khác chọn vị trí đóng, gắn số kiểm soát sao cho dễ quan sát.



Hình 1